

Bản án số: 02/2020/KDTM- ST

Ngày 10-8-2020

V/v trA chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Hồng Vân.

Bà Nguyễn Minh Hằng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2020/TLST-KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc trA chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST- KDTM ngày 21 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương V;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 108 T, quận H, thành phố H;

Người đại diện hợp pháp: Ông Đào Ngọc H, chức vụ: Phó phụ trách phòng Khách hàng doA nghiệp Ngân hàng TMCP Công thương V- chi nhánh N (theo Giấy ủy quyền số 1216/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 28/11/2019 v/v ủy quyền thường xuyên tham gia tố tụng). Có mặt.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xuất nhập khẩu M;

Địa chỉ: Tầng 6, phòng 601, tòa nhà Việt Úc, số 2/16D T, phường Đ, quận H, thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị Hằng H, chức vụ: Giám đốc công ty. Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vũ Thị Q, sinh năm 1960; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 5, phường H, quận D, thành phố H. Có mặt.

- A Nguyễn Thế A, sinh năm 1982 và chị Vũ Thị Hồng C, sinh năm 1981 cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: P, phường H, quận D, thành phố H. A Thế A có mặt, chị C vắng mặt.

- Bà Đào Thị C, sinh năm 1930; địa chỉ: Tổ 5, phường H, quận D, thành phố H. vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị C* là bà Vũ Thị Q sinh năm 1960; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 5, phường Hưng Đ, quận D, thành phố H (Theo Giấy ủy quyền tại Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố H). Có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị Hồng C* là A Nguyễn Thế A, sinh năm 1982, đăng ký hộ khẩu thường trú: P, phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng (Theo Giấy ủy quyền tại Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố H). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2020 của nguyên đơn, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/04/2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xuất nhập khẩu M (sau đây gọi tắt là công ty M) và Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương V (sau đây gọi tắt là V) đã thỏa thuận và ký kết Hợp đồng Cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT168-MINHTRI để vay vốn với số tiền là 7.300.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu. Thời hạn vay: 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay: Thả nổi, theo quy định của Ngân hàng TMCP công thương V từng thời kỳ. Ngày đến hạn: 05/07/2019.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng trên, V đã giải ngân cho Công ty M tổng số tiền là 7.300.000.000 đồng. Công ty M đã nhận đủ số tiền này.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Công ty M đã thế chấp 02 tài sản khác nhau:

- Tài sản 1: Quyền sử dụng đất 350,0 m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Tổ dân phố số 5, phường H, quận D, thành phố H, thuộc đất ở đô thị, sử dụng lâu dài theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 625212, số vào sổ cấp GCN 01239/Q1 do Ủy ban nhân dân quận D cấp ngày 03/12/2012 cho chủ sở hữu là bà Vũ Thị Q.

- Tài sản 2: Quyền sử dụng đất 210,0 m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 68, địa chỉ: Tổ dân phố số 5, phường H, quận D, thành phố H, thuộc loại đất ở đô thị, sử dụng lâu dài, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 105911, số vào sổ cấp GCN CH 00890/Q2 do Ủy ban nhân dân quận D cấp ngày 21/03/2018 cho chủ sở hữu là bà Vũ Thị Q.

Hai tài sản này được ký kết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/HĐBĐ/NHCT168-MINHTRI ngày 04/04/2019, số công chứng 1717/2019, Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD được phòng công chứng Gia Phúc chứng nhận ngày 04/04/2019; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp; Số phụ lục số PL01/01/2019/HĐBĐ/NHCT168-MINHTRI được Văn Phòng Công chứng Gia Phúc chứng nhận ngày 04/04/2019, số công chứng 1718/2019, Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD.

Các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký kết theo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng với V, Công ty M trả được 122.492.556 đồng (trong đó nợ gốc đã trả 990.000 đồng; nợ lãi đã trả 121.502.556 đồng). Kể từ ngày 05/7/2019 đến nay, Công ty M không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có tài sản thế chấp không trả nợ thay cho Công ty M. Việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã dẫn đến khoản vay của Công ty M bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 05/7/2019.

Như vậy, Công ty M đã vi phạm các điều khoản như đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng.

Nay, V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc Công ty M thanh toán ngay cho V:

Tính đến ngày 10/8/2020 là: 8.399.257.483 đồng (trong đó nợ gốc: 7.299.010.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 738.498.702 đồng, nợ lãi phạt quá hạn là 361.748.781 đồng).

- Bị đơn tiếp tục phải trả tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất đã ký kết tại hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 11/8/2020 cho đến khi trả hết nợ.

2. Trong trường hợp Công ty M không trả nợ, trả nợ không đầy đủ toàn bộ khoản nợ cho V và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không trả nợ thay cho công ty M thì V có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên và phát mại các tài sản bảo đảm như đã nêu trên để thu hồi nợ.

Công ty M là bị đơn trong vụ án hiện đang cư trú tại địa chỉ theo đơn khởi kiện và đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng người đại diện theo pháp luật công ty M vẫn không đến Tòa án và không trình bày ý kiến của mình về nội dung V khởi kiện.

Tại bản tự khai ngày 20/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị C là bà Vũ Thị Q, trình bày:

Đồng ý yêu cầu khởi kiện của V về việc yêu cầu Công ty M trả nợ. Đến thời điểm hiện tại thì bà không nắm được số liệu cụ thể Công ty M nợ V số nợ bao nhiêu. Đối với tài sản thế chấp của bà, bà đề nghị V tạo điều kiện cho bà thêm thời gian để bà đợi giám đốc công ty M về để trả lại tài sản cho nhà bà cũng như có thêm thời gian để giải quyết việc này. Bà cam đoan những lời khai của bà C cũng như của bà.

Tại đơn trình bày, trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị Hồng C là A Nguyễn Thế A, trình bày:

Đồng ý yêu cầu khởi kiện của V về việc yêu cầu Công ty M trả nợ. Hiện trên tài sản thế chấp của bà Vũ Thị Q có 4 thế hệ gia đình đang sinh sống, nếu trường hợp V thu hồi nhà của gia đình thì cả 4 thế hệ gia đình sẽ không có nơi ở nào để sống. Đề nghị V tạo điều kiện cho thêm thời gian để đợi giám đốc công ty M về để giải quyết chuyện này với gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử cho xem bản Hợp đồng vay vốn gốc giữa công ty M và V. A cam đoan lời khai của chị C cũng như của A.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trên cơ sở lời trình bày của đương sự tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy:

Nguyên đơn và bị đơn ký kết Hợp đồng Cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT168-MINHTRI ngày 04/04/2019 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/HĐBĐ/NHCT168-MINHTRI ngày 04/04/2019, số công chứng 1717/2019, Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD được phòng công chứng Gia Phúc chứng nhận ngày 04/04/2019; Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC số PL01/01/2019/HĐBĐ/NHCT168-MINHTRI được Văn Phòng Công chứng Gia Phúc chứng nhận ngày 04/04/2019, số công chứng 1718/2019, Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD.

Các hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết theo đúng quy định pháp luật, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đã vi phạm các cam kết đã ký tại hợp đồng tín dụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không trả được nợ thay cho bị đơn nên đã vi phạm hợp đồng thế chấp đã ký kết. Vì vậy, toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

Căn cứ: Khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 2, Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các khoản 2, Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 1, Điều 106; Điểm a, khoản 1, Điều 130 Luật đất đai năm 2003;

Điểm a, khoản 1, Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Điều 56 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm;

Khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ án trA chấp hợp đồng tín dụng giữa tổ chức với tổ chức có đăng ký kinh doanh, với mục đích lợi nhuận nên là trA chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn đầu tư Xuất nhập khẩu M có địa chỉ: Tầng 6, phòng 601, tòa nhà Việt Úc, số 2/16D T, phường Đ, quận H, thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị C và chị Vũ Thị Hồng C vắng mặt tuy nhiên đã có giấy ủy quyền cho bà Q, A Thế A nên căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 2, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trên.

Nội dung vụ án:

[3] Xét Hợp đồng Cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT168-MINHTRI ngày 04/04/2019. V đã giải ngân và Công ty M đã nhận đủ số tiền là 7.300.000.000 đồng. Như vậy, hợp đồng cho vay hạn mức mà các bên đã ký kết và được thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật, trên cơ sở tự nguyện phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 05/7/2019 Công ty M không trả được nợ cho V. Như vậy, Công ty M đã vi phạm các điều, khoản đã thỏa thuận với V trong Hợp đồng cho vay hạn mức đã ký kết.

[4] Xét hợp đồng thế chấp:

- Tài sản 1: Quyền sử dụng đất 350,0 m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Tổ dân phố số 5, phường H, quận D, thành phố H, thuộc đất ở đô thị, sử dụng lâu dài theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 625212, số vào sổ cấp GCN 01239/Q1 do Ủy ban nhân dân quận D cấp ngày 03/12/2012 cho chủ sở hữu là bà Vũ Thị Q.

- Tài sản 2: Quyền sử dụng đất 210,0 m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 68, địa chỉ: Tổ dân phố số 5, phường H, quận D, thành phố H, thuộc loại đất ở đô thị, sử dụng lâu dài, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 105911, số vào sổ cấp GCN CH 00890/Q2 do Ủy ban nhân dân quận D cấp ngày 21/03/2018 cho chủ sở hữu là bà Vũ Thị Q.

Cả hai tài sản được ký kết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/HĐBĐ/NHCT168-MINHTRI ngày 04/04/2019, số công chứng 1717/2019, Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD được phòng công chứng Gia Phúc chứng nhận ngày 04/04/2019; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp; Số phụ lục số PL01/01/2019/HĐBĐ/NHCT168-MINHTRI được Văn Phòng Công chứng Gia Phúc chứng nhận ngày 04/04/2019, số công chứng 1718/2019, Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD.

Các tài sản này đều hợp pháp cùng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, được ký tại phòng công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật. Trường hợp Công ty M không trả được nợ cho V, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có tài sản thế chấp không trả nợ thay cho Công ty M thì các tài sản này sẽ được xử lý phát mại theo quy định pháp luật.

[5] Xét lãi suất: Mức lãi suất các bên ký kết trong Hợp đồng cho vay hạn mức theo quy định của V, bị đơn không có ý kiến, tự nguyện ký kết và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm nhận nợ. Lãi suất quá hạn là 150%/năm lãi suất trong hạn là đúng với mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước quy định. Bị đơn phải chịu lãi suất quá hạn từ ngày 05/7/2019 (là ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ) đến ngày 10/8/2020 là ngày xét xử sơ thẩm vụ án và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn từ ngày 11/8/2020 cho đến ngày bị đơn trả hết nợ. Nên việc nguyên đơn đề nghị áp dụng mức tính lãi trên đối với bị đơn là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu của người liên quan về việc được xem tài liệu là Hợp đồng vay vốn bản gốc giữa Công ty M và V. Tài liệu trong quá trình giải quyết, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra, đối chiếu bản gốc của V trước khi thụ lý vụ án và trong hồ sơ hiện tại cũng chỉ có bản sao công chứng. Nên với đề nghị này của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cần làm đơn gửi lên V. Nếu trường hợp người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phát hiện sai phạm trong hợp đồng có quyền đề nghị cơ quan điều tra xử lý theo quy định pháp luật.

Như vậy, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 2, Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2, Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 1, Điều 106; Điểm a, khoản 1, Điều 130 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Điều 56 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn đầu tư Xuất nhập khẩu M phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương V tổng số tiền tính đến ngày 10/8/2020 là: 8.399.257.483 (tám tỉ ba trăm chín mươi chín triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi ba) đồng (trong đó nợ gốc: 7.299.010.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 738.498.702 đồng, nợ lãi phạt quá hạn là 361.748.781 đồng) theo Hợp đồng Cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT168-MINHTRI ngày 04/04/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 11/8/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc phải thi hành theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục trả toán cho ngân hàng cho vay cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có tài sản thế chấp không trả thay Công ty Trách nhiệm hữu hạn đầu tư Xuất nhập khẩu M thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần công thương V có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Tài sản 1: Quyền sử dụng đất 350,0 m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Tổ dân phố số 5, phường H, quận D, thành phố H, thuộc đất ở đô thị, sử dụng lâu dài theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 625212, số vào sổ cấp GCN 01239/Q1 do Ủy ban nhân dân quận D cấp ngày 03/12/2012 cho chủ sở hữu là bà Vũ Thị Q.

- Tài sản 2: Quyền sử dụng đất 210,0 m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 59, tờ bản đồ số: 68, địa chỉ: Tổ dân phố số 5, phường H, quận D, thành phố H, thuộc loại đất ở đô thị, sử dụng lâu dài, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 105911, số vào sổ cấp GCN CH 00890/Q2 do Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh cấp ngày 21/03/2018 cho chủ sở hữu là bà Vũ Thị Q.

Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/HĐBĐ/NHCT168-MINHTRI ngày 04/04/2019, số công chứng 1717/2019, Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD được phòng công chứng Gia Phúc chứng nhận ngày 04/04/2019; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp; Số phụ lục số PL01/01/2019/HĐBĐ/NHCT168-MINHTRI được Văn Phòng Công chứng Gia Phúc chứng nhận ngày 04/04/2019, số công chứng 1718/2019, Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ trả hết nợ thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn đầu tư Xuất nhập khẩu M phải tiếp tục trả cho đến khi trả hết nợ.

Nếu số tiền phát mại trả hết nợ cho V còn dư thừa sẽ được trả lại cho chủ sở hữu là bà Vũ Thị Q. Bà Q, bà C, A Thế A, chị C phải có nghĩa vụ bàn giao tài sản thế chấp khi đưa ra phát mại.

3. Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn đầu tư Xuất nhập khẩu M phải nộp 116.399.257 đồng (*Một trăm mười sáu triệu ba trăm chín mươi chín nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng*) tiền án phí kinh do A thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần công thương V số tiền đã nộp 57.951.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu chín trăm năm mươi một nghìn*) đồng là tạm ứng án phí kinh do A thương mại sơ thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu AA/2016 số 0005616 ngày 28/4/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm)

ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.HP;
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quân Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Cường

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Hồng Vân Nguyễn Minh Hằng

Nguyễn Ngọc Cường

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.HP;
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quân Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Cường

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Hồng Vân Nguyễn Văn Hiếu

Nguyễn Ngọc Cường

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.HP;
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quân Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Cường

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Cường

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.HP;
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quân Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Cường

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn là ông Nguyễn Đức Toàn, bà Trần Thị Huyền không thể toán được khoản nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Xét Hợp đồng thế chấp Hợp đồng thế chấp tài sản số: 343-1401542532-200-Nguyễn Đức

Toàn ngày 30/9/2014 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2017- Nguyễn Đức Toàn ngày 24/4/2017 được ký giữa V với ông Nguyễn Đức Toàn, bà Trần Thị Huyền trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 30/9/2014, số đơn đăng ký: 1166267104 nên phát sinh hiệu lực. Các bên đều thừa nhận, tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị đơn, không có trA chấp với ai; trình tự thủ tục thế chấp tài sản của các bên đúng quy định tại các điều 298, 317, 318 của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng, Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ và Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do đó, ACB yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông Đức và bà Thúy không trả được nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên có căn cứ chấp nhận.